TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2025/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Huệ T, sinh năm 1989; thường trú: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau); tạm trú: D khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dường (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn C, sinh năm 1985; thường trú: xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau); tạm trú: D khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dường (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Huệ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Huệ T và anh Cao Văn C có thời gian tìm hiểu khoảng 05 tháng thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà

Mau) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/HT2009 cấp ngày 17/4/2009. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số D khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dường (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, mỗi người có cuộc sống riêng, hiện hai vợ chồng sống ly thân. Nay, chị Trần Huệ T xác định không còn tình cảm với anh Cao Văn C nên đề nghị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 08/3/2009. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Cao Văn C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Huệ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Cao Văn C:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 13/8/2025; tham gia phiên tòa vào các ngày 10/9/2025 và ngày 29/9/2025 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn chị Trần Huệ T và bị đơn anh Cao Văn C có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Huệ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Cao Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 10/9/2025 và ngày 29/9/2025 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009, chị Trần Huệ T và anh Cao Văn C tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/HT2009 cấp ngày 17/4/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn xác định chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã, hiện hai vợ chồng sống ly thân. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn anh C đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C không có mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị T và anh C. Do đó, nguyên đơn chị Trần Huệ T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Cao Văn C là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Trần Huệ T và anh Cao Văn C có 01 con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 08/3/2009. Sau ly hôn, chị T yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T không yêu cầu anh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng con chung cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì. Xét thấy, cháu H đang còn nhỏ, hiện đang sống với chị T, cháu H mong muốn sinh sống cùng mẹ, đồng thời nguyên đơn chị T có nơi ở và công việc ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung Cao Gia H cho nguyên đơn chị T trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Huệ T không yêu cầu anh Cao Văn C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chị T.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Huệ T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Huệ T đối với bị đơn anh Cao Văn C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Huệ T được ly hôn với anh Cao Văn C {Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/HT2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau) cấp ngày 17/4/2009}.

Về con chung: Giao con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 08/3/2009 cho chị Trần Huệ T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Huệ T không yêu cầu anh Cao Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Trần Huệ T và anh Cao Văn C có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị Trần Huệ T phải tạo điều kiện cho anh Cao Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Huệ T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0004379 ngày 24/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**